

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 936 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung các công trình, dự án
vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sơn Hà**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 03/8/2023 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 1576/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Sơn Hà; số 261/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 về việc phê duyệt bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sơn Hà;

Theo đề nghị của UBND huyện Sơn Hà tại Tờ trình số 92/TTr-UBND ngày 14/8/2023; đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4722/TTr-STNMT ngày 29/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sơn Hà, với các nội dung sau:

1. Diện tích các loại đất trong năm 2023 của huyện Sơn Hà (*chi tiết tại Biểu 01 kèm theo*).
2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2023 huyện Sơn Hà (*chi tiết tại Biểu 02 kèm theo*).
3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 huyện Sơn Hà (*chi tiết tại Biểu 03 kèm theo*).
4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023 huyện Sơn Hà (*chi tiết tại Biểu 04 kèm theo*).
5. Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất bổ sung thực hiện trong năm 2023: Tổng danh mục các công trình, dự án thu hồi đất là 02 công trình, dự án, với tổng diện tích là 3,4 ha, được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 03/8/2023 (*Chi tiết tại Phụ biểu 01 kèm theo*).
6. Danh mục công trình, dự án xin tiếp tục thực hiện năm 2023: Có 03 công trình, dự án, với diện tích là 7,59 ha, được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 03/8/2023 (*Chi tiết tại Phụ biểu 02 kèm theo*).
7. Danh mục công trình, dự án điều chỉnh thông tin năm 2023: Có 01 công trình, dự án, được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 03/8/2023 (*Chi tiết tại Phụ biểu 03 kèm theo*).
8. Danh mục công trình, dự án không thuộc quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai: Có 02 công trình, dự án không thuộc quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, với diện tích là 3,908 ha (*Chi tiết tại Phụ biểu 04 kèm theo*).

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, UBND huyện Sơn Hà và Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm:

1. UBND huyện Sơn Hà:
 - a) Công bố, công khai danh mục công trình, dự án bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất của năm 2023 huyện Sơn Hà để các tổ chức, cá nhân biết, giám sát, thực hiện; chịu trách nhiệm tính chính xác tên gọi của công trình, dự án; vị trí, diện tích của công trình, dự án.
 - b) Thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng quy định Luật Đất đai năm 2013.
 - c) Chịu trách nhiệm đối với danh mục công trình, dự án xin tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất, trường hợp không hoàn thành việc thu

hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng thì không đăng ký xin tiếp tục thực hiện trong năm tiếp theo.

d) Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; trường hợp các công trình, dự án chưa đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ, chưa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã phê duyệt, chưa đầy đủ về tính pháp lý thì tổng hợp báo cáo, đề xuất UBND tỉnh để xem xét điều chỉnh cho phù hợp, trước khi trình UBND tỉnh thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Theo dõi kết quả thực hiện của UBND huyện Sơn Hà và tổng hợp các nội dung phát sinh vướng mắc, báo cáo UBND tỉnh xem xét chỉ đạo theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND huyện Sơn Hà và các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, các Ph.Ng/cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 799).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền



Biểu 01

PHẦN BỔ DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT TRONG ANAMITE BỔ SUNG CHỖ DÙNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA HUYỆN SƠN HÀ, TỈNH QUẢNG NGÃI (BỔ SUNG)

(Kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu	Mã	Phần theo đơn vị hành chính																
			Tổng diện tích	TTĐ	Xã Sơn Hà	Xã Sơn Thành	Xã Sơn Nham	Xã Sơn Bao	Xã Sơn Linh	Xã Sơn Giang	Xã Sơn Trung	Xã Sơn Thượng	Xã Sơn Cao	Xã Sơn Hải	Xã Sơn Thủy	Xã Sơn Kỳ	Xã Sơn Ba		
(1)	(2)	(3)	(4)=(7)+(20)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (1+2+3)		72.826,30	5.676,20	3.973,63	4.873,21	6.582,09	6.831,95	6.421,40	2.616,24	2.707,15	3.835,69	3.632,12	2.435,37	4.434,29	14.294,91	4.512,07		
1	Đất nông nghiệp	NNP	67.288,44	5.013,29	3.605,90	4.614,32	5.999,54	6.144,15	6.100,93	2.277,01	2.350,23	3.601,92	3.383,29	2.143,23	4.118,86	13.676,26	4.259,52		
	<i>Trong đó:</i>																		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.269,23	150,92	403,20	427,58	155,61	152,14	234,72	180,39	196,92	201,34	239,79	149,37	259,26	324,40	193,61		
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	2.888,74	121,53	403,20	406,28	148,66	138,71	200,10	155,60	156,10	148,67	208,23	130,68	210,45	287,61	172,91		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	10.887,72	536,87	1.107,60	919,34	828,28	568,70	696,30	952,66	1.128,87	700,70	830,78	689,12	660,12	734,22	534,17		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	10.617,61	837,41	932,30	458,55	284,78	1.089,88	704,00	372,38	247,70	991,50	513,64	219,77	890,74	2.233,72	841,24		
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	27.173,40	2.138,18	85,13	1.119,28	2.475,11	3.640,08	3.413,78	214,48	497,67	708,82	746,02	68,55	800,69	9.129,37	2.136,24		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	15.334,18	1.348,84	1.076,64	1.689,43	2.255,56	693,37	1.051,88	556,80	278,89	999,55	1.052,07	1.016,42	1.508,06	1.253,43	553,23		
	<i>Trong đó: đất cơ rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSV	198,85	8,72		42,94	45,67	6,36	10,06	3,19		10,24	18,66	5,86	4,88	4,50	37,77		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	6,30	1,07	1,02	0,14	0,20		0,25	0,30	0,18		1,00		1,12	1,03			
1.8	Đất làm muối	LMU																	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH																	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.911,77	652,00	358,15	242,28	500,66	606,07	307,43	319,96	305,21	213,71	209,13	249,97	270,42	495,32	181,46		
	<i>Trong đó:</i>																		
2.1	Đất quốc phòng	COP	85,14	11,70	30,39	4,44													
2.2	Đất an ninh	CAN	0,76	0,65							0,11								
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	4,65		4,65														
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	3,15	1,22	0,41	0,03				0,12				0,15					
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	14,99		2,37							1,60		11,02					
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS																	
2.8	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	56,26	0,38	0,00			34,37				0,25		20,95	0,32				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.187,78	420,31	106,59	104,03	130,39	326,19	158,73	213,25	169,52	69,50	65,44	150,59	67,31	145,68	60,26		
	<i>Trong đó:</i>																		
	<i>Đất giao thông</i>	DGT	688,76	89,34	77,96	44,13	70,82	39,52	36,88	37,06	35,22	56,89	36,32	25,17	45,19	60,14	34,12		

KẾ HOẠCH THU HỐI ĐẤT BỎ RỪNG NĂM 2023 CỦA HUYỆN SON HÀ, TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 436

/QĐ-UBND ngày 14 /9/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha



STT	Chi tiêu	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính														
				Diện tích	Xã Sơn Lãng	Xã Sơn Hòa	Xã Sơn Thành	Xã Sơn Nhâm	Xã Sơn Bao	Xã Sơn Linh	Xã Sơn Giang	Xã Sơn Trung	Xã Sơn Thượng	Xã Sơn Cao	Xã Sơn Hải	Xã Sơn Thủy	Xã Sơn Kỳ	Xã Sơn Ba
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(23)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Đất nông nghiệp	NNP	3,700	0,700														
	<i>Trong đó:</i>																	
1.1	Đất trồng lúa	LUA																
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUU</i>																
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.000										3.000					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0.700	0.700														
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH																
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																
	Đất rừng sản xuất	RSX																
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>																
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS																
1.8	Đất làm muối	LMU																
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH																
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,250	0,250														
	<i>Trong đó:</i>																	
2.1	Đất quốc phòng	COP																
2.2	Đất an ninh	CAN																
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN																
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMĐ																
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC																
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS																
2.8	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX																
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT																
	<i>Trong đó:</i>																	
	Đất giao thông	DGT																
	Đất thủy lợi	DTL																
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DTH																

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT BỔ SUNG NĂM 2023 CỦA HUYỆN SƠN HÀ, TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh)

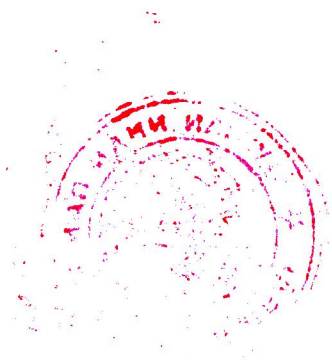
Phân theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha



TT	Chi tiêu			TT Di Lăng	Xã Sơn Hà	Xã Sơn Thành	Xã Sơn Nhạn	Xã Sơn Bao	Xã Sơn Linh	Xã Sơn Giang	Xã Sơn Trung	Xã Sơn Thượng	Xã Sơn Cao	Xã Sơn Hải	Xã Sơn Thủy	Xã Sơn Kỳ	Xã Sơn Ba
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(23)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	12.898	5.957				3.550				3.392					
	<i>Trong đó:</i>																
1.1	Đất trồng lúa	LU/A/PNN	0.200	0.050				0.150									
	<i>Tr. do: đất chuyển lúa nước</i>	LUC/PNN	0.200	0.050				0.150									
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	3.396	0.396								3.000					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	3.114	2.374				0.740									
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN															
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN															
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	5.749	2.697				2.660				0.392					
	<i>Trong đó: đất cơ rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN/PNN															
1.6	Đất làm muối	NTS/PNN		0.440													
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN		0.440													
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN															
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp																
	<i>Trong đó:</i>																
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LU/A/CLN															
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LU/A/LNP															
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LU/A/NTS															
2.4	Đất trồng lúa nước chuyển sang đất làm muối	LU/A/LMU															
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS															
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU															
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NNKR ^(a)															
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NNKR ^(a)															
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NNKR ^(a)															
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT															

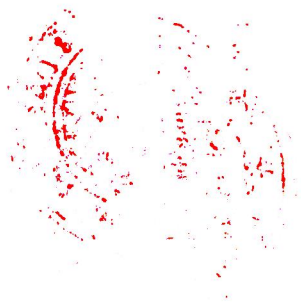
Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác
- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở



DANH MỤC BỒ SÙNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 CỦA HUYỆN SƠN HÀ
(Kèm theo Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh)



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Địa điểm (tên địa phương, xã, thị trấn, thôn, tổ dân phố, ấp, xã)	Căn cứ pháp lý (các chủ trương, quyết định, ghi vốn, ...)	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)						Ghi chú	
						Tổng (T.đồng)	Ngân sách TW	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Huyện	Ngân sách Xã	Vốn khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Đường Làng Vách- Làng Nưa và đường giao thông nông thôn, xã Sơn Thượng	3,00	Sơn Thượng		Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của HĐND huyện về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 04/4/2023 của HĐND huyện về việc điều chỉnh tên dự án, quy mô xây dựng dự án; Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương	2.000			2.000				Đang đo đạc, lập bản đồ địa chính khu đất
2	Hàng mục san nền, gia cố mái taluy và thoát nước khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng công trình đường tránh tây thị trấn Di Lăng	0,40	TT. Di Lăng		Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương	2.500		2.500					Đang đo đạc, lập bản đồ địa chính khu đất tái định cư (ODT)
Tổng cộng						4.500		2.500	2.000				

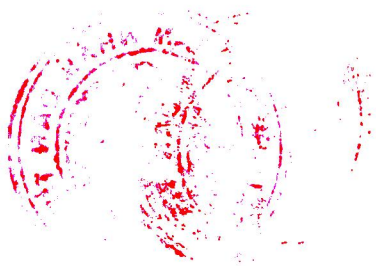


DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023 CỦA HUYỆN SON HÀ (BỔ SUNG)

(Kèm theo Quyết định số 486

/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)		Trang cấp Bất động sản (BĐC)	Đất công phong hộ (RPH)	Tình hình thu hồi, giao đất				Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023	Ghi chú
			(4)	(5)			(6)	(7)	(8)	(10)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(12)	(13)	
I	Công trình, dự án thuộc vốn ngân sách nhà nước											
1	Tương Mẫu giáo Sơn Hải	0,30	Sơn Hải				0,30			0,30	Hoàn thiện các thủ tục về đất đai	Dự án đầu tư công KHSDĐ trước năm 2017
2	Trung tâm Bảo tồn văn hóa dân tộc H're, hàng mục đền bù, nhà truyền thống	0,25	TT. Di Lăng				0,25			0,25	Hoàn thiện các thủ tục về đất đai	Dự án đầu tư công. KHSDĐ năm 2020 (QĐ số 149/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của UBND tỉnh)
II	Công trình, dự án ngoài ngân sách nhà nước											
1	Thủy điện DakBa, hàng mục: Đầu nối nhà máy thủy điện DakBa vào lưới điện QG đường dây 110kV	7,04	Sơn Thượng; Sơn Bao; TT. Di Lăng	0,15			0,75	6,29	7,04	Dự án được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại QĐ số 260/QĐ-UBND, ngày 17/4/2019 và chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại QĐ số 407/QĐ-UBND, ngày 25/6/2020; số 484/QĐ-UBND, ngày 20/5/2022; Nay xin tiếp tục để hoàn thiện các thủ tục về đất đai	Dự án đầu tư ngoài ngân sách KHSDĐ năm 2019 (QĐ số 60/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND tỉnh) Tổng diện tích 7,04 ha (T.đó: hành lang tuyến 6,29 ha)	
	Tổng	7,59		0,15			1,30	6,29	7,59			



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA HUYỆN SƠN HÀ

(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đơn cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Lý do xin điều chỉnh diện tích	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(10)	(11)	(12)
1	Xây dựng, cải tạo cảnh quan đồi Ni, thị trấn Di Lăng	0,300	TT. Di Lăng	552290.89; 1665640.11	<p>QĐ 2905/QĐ-UBND huyện, ngày 24/12/2021 về giao kế hoạch vốn DTCT trung hạn gđ 2021-2025</p> <p>74/QĐ-UBND huyện ngày 31/8/2021 v/v Quyết định chủ trương đầu tư</p> <p>337/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện về phân bổ vốn đầu tư công năm 2023</p> <p>Xin điều chỉnh tên dự án "Công chào thị trấn Di Lăng" thành "Xây dựng, cải tạo cảnh quan Đồi Ni, thị trấn Di Lăng" theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 04/4/2023 của HĐND huyện Sơn Hà về việc điều chỉnh tên dự án, quy mô xây dựng dự án Công chào thị trấn Di Lăng</p> <p>Điều chỉnh quy mô 0,2 ha thành 0,3 ha</p>	Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt KHSDĐ năm 2023 của huyện Sơn Hà tại QĐ số 1596/QĐ-UBND ngày 31/12/2022
Tổng cộng		0,300				



Phụ biểu 04

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ TẠM KHÔNG THUỘC QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LỰẬT ĐẤT ĐAI

BỘ SƯNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA HUYỆN SƠN HÀ

(Kèm theo Quyết định số 936 /QĐ-UBND ngày 14 /9/2023 của UBND tỉnh)



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý (các chủ trương, quyết định, ghi vắn,)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Mở rộng trường THPT Sơn Hà	1,526	TT. Di Lăng		197/QĐ-UBND ngày 22/2/2022- PA sắp xếp, xử lý nhà đất 459/QĐ-UBND tỉnh ngày 12/4/2022 điều chuyển 02 cơ sở nhà đất QĐ 650/QĐ-CT tỉnh ngày 08/4/2004 về việc cấp GCNQSDĐ cho Trạm Bảo vệ thực vật huyện Sơn Hà; QĐ 651/QĐ-CT tỉnh ngày 29/12/2004 về việc về việc cấp GCNQSDĐ cho Trạm Thú y huyện Sơn Hà;	Điều chuyển cơ sở nhà đất công; Lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất và cấp GCN
2	Trường Mầm non Hòa Mi	0,300	TT. Di Lăng		QĐ 197/QĐ-UBND tỉnh ngày 22/2/2022- PA sắp xếp, xử lý nhà đất QĐ 495/QĐ-UBND tỉnh ngày 27/02/2002 về việc cấp GCNQSDĐ cho Ban Dân vận huyện Sơn Hà; QĐ 3433/QĐ-CT tỉnh ngày 29/12/2004 về việc giao đất cho Ban Dân vận huyện Sơn Hà để mở rộng trụ sở Khối Dân vận Mặt trận huyện Sơn Hà	Điều chuyển cơ sở nhà đất công; Lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất và cấp GCN
Tổng cộng		3,908				

